

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 07 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định 255/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án xác định chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 21/TTr-SNV ngày 16/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chỉ số theo dõi và đánh giá cải cách hành chính (CCHC) các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã (có Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 chi tiết kèm theo).

Điều 2: Mục tiêu, yêu cầu, phương pháp đánh giá

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá thực chất, khách quan công bằng kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm của các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Làm cơ sở để các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã nâng cao trách nhiệm, nỗ lực trong chỉ đạo điều hành, áp dụng các giải pháp tự cải thiện chất lượng và hiệu quả công tác CCHC nhà nước.

- Sử dụng kết quả đánh giá CCHC làm một trong những căn cứ đánh giá trách nhiệm người đứng đầu và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng được các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC của các Sở, ngành, các huyện, thành phố theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của từng Sở, ngành, từng địa phương;

- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số CCHC của từng Sở, ngành, địa phương;

- Xây dựng được bộ câu hỏi điều tra khảo sát theo từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát;

- Hàng năm công bố Chỉ số CCHC của các Sở, ngành, địa phương, là căn cứ để xác định Chỉ số CCHC của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Chỉ số CCHC của tỉnh bám sát nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 ban hành tại Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ và Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các Sở, ngành, địa phương; đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai CCHC hàng năm của các Sở, ngành, địa phương.

- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, từng bước đi vào ổn định trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

3. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm đánh giá của chỉ số CCHC là 100, trong đó: điểm tự đánh giá tại nhóm I của Bộ chỉ số 80/100; điểm đánh giá qua điều tra khảo sát tại nhóm II của Bộ Chỉ số là 20/100.

- Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại các phụ lục kèm theo.

4. Phương pháp đánh giá

a) Tự đánh giá

Sau khi kết thúc năm kế hoạch:

- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần của nhóm I trong Chỉ số CCHC, lập tờ trình kèm theo kết quả tự đánh giá, tài liệu kiểm chứng gửi về Hội đồng thẩm định của tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

- UBND cấp xã tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị mình theo các tiêu chí trong chỉ số CCHC; lập tờ trình kèm theo

kết quả tự đánh giá, tài liệu kiểm chứng gửi về Hội đồng thẩm định của huyện, thành phố (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 25 tháng 02 hàng năm.

b) Đánh giá thông qua điều tra khảo sát:

Bộ câu hỏi điều tra, khảo sát được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong nhóm tiêu chí đánh giá tác động của CCHC. Việc điều tra khảo sát được tiến hành lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau do Sở Nội vụ thực hiện xong trước ngày 31 tháng 03 hàng năm.

c) Hội đồng thẩm định của tỉnh thẩm định và cho điểm độc lập đối với kết quả tự đánh giá của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện. Tổng điểm đạt được là tổng điểm tự đánh giá (sau thẩm định) và điểm điều tra khảo sát. Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” và “Tổng điểm tối đa” (100 điểm), trình UBND tỉnh công bố chỉ số CCHC trong Quý II hàng năm.

Hội đồng thẩm định của huyện, thành phố thẩm định và cho điểm độc lập đối với kết quả tự đánh giá của UBND cấp xã. Tổng điểm đạt được là tổng điểm tự đánh giá và điểm điều tra khảo sát. Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” và “Tổng điểm tối đa” (100 điểm), trình UBND huyện công bố chỉ số CCHC trong Quý II hàng năm.

Điều 3. Giao trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nội vụ

- Hàng năm Hướng dẫn các Sở, ngành, các huyện, thành phố triển khai xác định Chỉ số CCHC.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng tuyên truyền việc áp dụng Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động của các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, báo cáo Hội đồng thẩm định của tỉnh làm cơ sở xem xét, đánh giá, xác định Chỉ số CCHC.

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để thẩm định kết quả đánh giá công tác CCHC hàng năm của các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

- Xác định nhóm đối tượng, quy mô mẫu điều tra khảo sát.

- Xây dựng bộ câu hỏi điều tra khảo sát và chủ trì tổ chức điều tra khảo sát, tổng hợp, xử lý số liệu để xác định điểm qua điều tra, khảo sát.

- Phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính lập dự toán kinh phí triển khai xác định chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC hàng năm theo quy định; chủ trì tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, rà soát và đề xuất UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung chỉ số CCHC cho phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Các Sở, thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện:

- Triển khai áp dụng Chỉ số CCHC để đánh giá kết quả CCHC của cơ quan, địa phương; tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, địa phương mình.

- Phân công công chức chuyên trách theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Bảo đảm kinh phí cho triển khai Chỉ số CCHC hàng năm theo quy định.


- Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tổ chức điều tra, khảo sát để xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị.

- UBND các huyện, thành phố thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định kết quả đánh giá công tác CCHC của UBND cấp xã; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả đánh giá công tác CCHC của UBND cấp xã trên địa bàn.

- Các Sở: Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá CCHC đối với từng lĩnh vực cải cách được phân công trong các chương trình, kế hoạch của tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3, SNV (3 bản);
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Lưu: VT, NC.

Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng, TT; TKCT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Linh

PHỤ LỤC 01

CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CCHC CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH BẮC GIANG



Kết định số 73 /QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
I	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	80						
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	14						
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính năm	3						
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch CCHC (trong tháng 1 của năm Kế hoạch)	1						Kế hoạch CCHC năm
	<i>Ban hành kịp thời: 1 điểm</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0 điểm</i>							
1.1.2	Chất lượng Kế hoạch CCHC (Xác định đầy đủ các nhiệm vụ cải cách hành chính trên các lĩnh vực theo Kế hoạch CCHC của UBND tỉnh, bố trí kinh phí triển khai, phân định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, đơn vị)	1						Kế hoạch CCHC năm
	<i>Đạt yêu cầu: 1 điểm</i>							
	<i>Không đạt yêu cầu: 0 điểm</i>							
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1						Các báo cáo định kỳ
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0.75 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 0 điểm</i>							
1.2	Báo cáo cải cách hành chính	2						
1.2.1	Báo cáo định kỳ về CCHC (báo cáo tháng, quý, 6 tháng, năm) đáp ứng yêu cầu về số lượng, đầy đủ về nội dung, đảm bảo về chất lượng và thời gian báo cáo)	1						Các báo cáo định kỳ
	<i>Đạt yêu cầu (Mỗi báo cáo thiếu, chậm, không đảm bảo chất lượng trừ 0,25 điểm): 1 điểm</i>							
	<i>Không đáp ứng yêu cầu (Thiếu hoặc không đảm bảo về chất lượng, thời gian quy định từ 2 báo cáo trở lên): 0 điểm</i>							
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	1						Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC của Sở, ngành
	<i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định và không phải bổ sung tài liệu kiểm chứng: 1 điểm</i>							
	<i>Điểm tự chấm sai số không quá 5% so với kết quả thẩm định và phải bổ sung tài liệu kiểm chứng không quá 01 lần: 0,5 điểm</i>							
	<i>Điểm tự chấm sai số trên 5% so với kết quả thẩm định: 0</i>							
1.3	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	2						
1.3.1	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1						Kế hoạch kiểm tra, Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, các thông báo kết luận kiểm tra

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>							
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện sau kiểm tra	1						Các thông báo kết luận kiểm tra, các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện
	<i>Xử lý 100 % các vấn đề sau kiểm tra: 1 điểm</i>							
	<i>Xử lý từ 90 đến dưới 100% các vấn đề sau kiểm tra: 0,75 điểm</i>							
	<i>Xử lý từ 70 đến dưới 90% các vấn đề sau kiểm tra: 0,5 điểm</i>							
	<i>Xử lý dưới 70% các vấn đề sau kiểm tra: 0 điểm</i>							
1.4.	Công tác tuyên truyền CCHC	2						
1.4.1	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền	1						Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có thể lồng ghép); báo cáo kết quả thực hiện
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>							
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1						Có thực hiện tuyên truyền nội dung CCHC thông qua 1 trong 3 hình thức: Hội nghị, trên website, phát thanh-truyền hình
	<i>Thực hiện tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các loại hình truyền thống 0.5 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5</i>							Ngoài các hình thức truyền thông, có thực hiện tuyên truyền CCHC thông qua 1 trong các hình thức: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC, tiểu phẩm, tọa đàm....
1.5.	Những giải pháp, việc làm mới, cách làm hay trong chỉ đạo, điều hành CCHC	3						
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1						
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai CCHC	2						Có giải pháp mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC
	<i>Có sáng kiến: 2 điểm</i>							
	<i>Không có sáng kiến: 0 điểm</i>							
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Bộ chủ quản, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm	2						
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 2 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng còn một số nhiệm vụ muộn so với tiến độ: 1</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ, NGÀNH	10						
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành	3						
2.1.1	Mức độ thực hiện xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt <i>(Mỗi văn bản tham mưu chậm thời gian theo danh mục được phê duyệt trừ 0,25 điểm)</i>	2						Đánh giá tất cả các VBQPPL do Sở tham mưu ban hành;
	<i>Hoàn thành 100% Danh mục: 2 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% danh mục: 1.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 90% danh mục: 0</i>							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1						Báo cáo của Sở, ngành và kết quả theo dõi, kiểm tra, thẩm định của Sở Tư pháp
	<i>100% VBQPPLban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 1</i>							
	<i>Dưới 100% VBQPPLban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0</i>							
2.2	Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	2						
2.2.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1						Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của Sở, ngành
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>							
2.2.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1						Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua rà soát
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm							
	Từ 85%-dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	<i>Từ 70%-dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.3.	Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL	2						
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	1						Báo cáo hàng năm về công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>							
2.3.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						Các thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>							
	<i>Từ 85%-dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	<i>Từ 70%-dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.4.	Theo dõi thi hành pháp luật	3						
2.4.1	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật</i>	1						Kế hoạch và các báo cáo của Sở, ngành
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0</i>							
2.4.2	<i>Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật</i>	1						
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
2.4.3	<i>Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật</i>	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>							
	<i>Từ 85%-dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70%-dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	10						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
3.1	Thực hiện các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính	2						Kế hoạch kiểm soát TTHC, Báo cáo kết quả kiểm soát TTHC
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2</i>							
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>							
3.2.	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	2						
3.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	1						Kế hoạch rà soát; báo cáo kết quả thực hiện
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>							
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1						Báo cáo kết quả rà soát và các văn bản xử lý vấn đề phát hiện qua rà soát
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
3.3	Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh Công bố thủ tục hành chính theo quy định	2						Các quyết định công bố TTHC
	<i>Đúng quy định: 02 điểm</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>							
3.4	Công khai thủ tục hành chính	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
3.4.1	Niên yết công khai TTHC theo quy định của Chính phủ và của tỉnh	1						
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>							
3.4.2	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ngành được công khai đầy đủ, đúng quy định trên website của Sở, ngành	1						
	<i>100% số TTHC: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>							
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ngành	2						
3.5.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ngành	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>							
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ngành	1						
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>							
	<i>Từ 90%-dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; 0</i>							
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	7						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ chủ quản và của tỉnh về tổ chức bộ máy	2						
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 2 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>							
4.2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban và đơn vị trực thuộc	2						
4.2.1	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1						Kế hoạch kiểm tra (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong văn bản khác nhưng phải đảm bảo nội dung được đầy đủ, cụ thể)
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>							
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	<i>100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý: 1 điểm</i>							
	<i>Chưa xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 0 điểm</i>							
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	3						
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính Phủ và UBND tỉnh ban hành	1						
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm</i>							
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện thuộc lĩnh vực ngành quản lý	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						Các văn bản xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>							
	<i>Từ 85%-dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70%-dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>							
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	12						
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2						
5.1.1	Thực hiện cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>							
5.1.2	Thực hiện cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>							
5.2	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
5.2.1	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức <i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>	1						
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp <i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>	1						
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo chức năng, nhiệm vụ của Sở, ngành	2						
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức <i>Đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>	1						
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức <i>Đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>	1						
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương <i>100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm theo đúng quy định: 1</i> <i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm không đúng quy định: 0</i>	1						
5.5	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức <i>Đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm	2						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80%-dưới 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>							
5.7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2						
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1						
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>							
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>							
6	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6						
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1						
	<i>Đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>							
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ngành triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1						Báo cáo của các Sở, ngành và kết quả theo dõi, thanh tra, kiểm tra của Sở Tài chính
	<i>100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>							
6.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp (đã triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm) thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	1						Báo cáo của các Sở, ngành và kết quả theo dõi, thanh tra, kiểm tra của Sở Tài chính
	<i>100% số đơn vị: 1</i>							
	<i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>							
6.3	Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo quy định trong năm	1						
	<i>Có tăng thu nhập cho công chức, viên chức: 01 điểm</i>							
	<i>Không tăng thu nhập: 0 điểm</i>							
6.4	Thực hiện việc phân phối thu nhập tiết kiệm hiệu quả dựa trên cơ sở phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ	1						
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
6.5	Thực hiện các giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống công chức	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	12						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan	5						
7.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT	2						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 1.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 50% kế hoạch: 0 điểm</i>							
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc sở dưới dạng điện tử	2						
	<i>100% số văn bản: 2 điểm</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số văn bản: 1 điểm</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số văn bản: 0,5 điểm</i>							
	<i>Dưới 70% số văn bản: 0</i>							
7.1.3	Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Sở, ngành sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc	1						
	<i>100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 1</i>							
	<i>Từ 80%-dưới 100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0,5</i>							
	<i>Dưới 80% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0</i>							
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 1,2 <i>100% số TTHC: 1</i> <i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>	1						
7.2.2	Tỷ lệ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 <i>Từ 40% số TTHC trở lên: 2</i> <i>Từ 30%-40% số hồ sơ TTHC: 1</i> <i>Từ 20%-dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5</i> <i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>	2						
7.2.3	Tỷ lệ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 <i>Từ 30% số TTHC trở lên: 1</i> <i>Từ 20%-30% số TTHC: 0,5</i> <i>Từ 10%-dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0,25</i> <i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>	1						
7.2.4	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích <i>Đúng quy định: 01 điểm</i> <i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>	1						
7.3	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001	2						
7.3.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN 9001 tại Sở, ngành <i>Có công bố: 0,5</i> <i>Không công bố: 0</i>	0,5						
7.3.2	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc và đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ngành đã công bố hệ thống quản lý chất lượng ISO tại đơn vị	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	<i>100% số cơ quan: 1</i>							
	<i>Từ 90%-dưới 100% số cơ quan: 0,5</i>							
	<i>Dưới 90% số cơ quan: 0</i>							
7.3.3	Thực hiện duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	0,5						
	<i>Có thực hiện: 0,5</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	9						
8.1	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	4						
8.1.1	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa	2						
	<i>100% số lượng TTHC: 2 điểm</i>							
	<i>Từ 90%-dưới 100% số lượng TTHC: 1,5 điểm</i>							
	<i>Từ 80%-dưới 90% số lượng TTHC: 1 điểm</i>							
	<i>Dưới 80% số lượng TTHC: 0 điểm</i>							
8.1.2	Số lượng TTHC thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo quy định	2						
	<i>Từ 80% trở lên số lượng TTHC: 2 điểm</i>							
	<i>Từ 70%-dưới 80% số lượng TTHC: 1,5 điểm</i>							
	<i>Từ 50%-dưới 70% số lượng TTHC: 1 điểm</i>							
	<i>Dưới 50% số lượng TTHC: 0 điểm</i>							
8.2	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn trong tổng số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	Đạt 100% : 2 điểm							
	Từ 90% đến dưới 100%: 1,5 điểm							
	Từ 70% đến dưới 90%: 1 điểm							
	Dưới 70%: 0 điểm							
8.3	Quy trình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>							
8.4	Thực hiện việc ghi chép, theo dõi, quản lý việc giải quyết TTHC theo các biểu mẫu quy định (Phiếu hướng dẫn hồ sơ, sổ theo dõi, giấy biên nhận, phiếu kiểm soát hồ sơ...)	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>							
8.5	Thực hiện quy định về ban hành văn bản thông báo tới cá nhân, tổ chức đến giải quyết TTHC trong trường hợp hồ sơ chưa đủ hoặc không đủ điều kiện giải quyết; quy định về ban hành văn bản xin lỗi cá nhân, tổ chức khi hồ sơ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quá hạn trả kết quả	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>							
II	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	20						
1	Tác động đến thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành	3						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
1.1	Tính đồng bộ, thống nhất, kịp thời của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành	1						
1.2	Tính hợp lý, khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành	1						
1.3	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành	1						
2	Tác động đến chất lượng quy định TTHC	2						
2.1	Sự minh bạch, rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quy trình giải quyết TTHC do Sở, ngành tham mưu công bố	1						
2.2	Tính hợp lý về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành	1						
3	Tác động đến cải cách tổ chức bộ máy hành chính	3						
3.1	Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của Sở, ngành	1						
3.2	Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị trực thuộc Sở, ngành	1						
3.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa Sở, ngành và địa phương	1						
4	Tác động đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của Sở, ngành	4						
4.1	Đánh giá về năng lực giải quyết công việc của công chức, viên chức	1						
4.2	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của công chức	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
4.3	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1						
4.4	Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1						
5	Tác động đến quản lý tài chính công	2						
5.1	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của Sở, ngành	1						
5.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính; của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1						
6	Tác động đến hiện đại hóa hành chính	4						
6.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử của Sở, ngành	1						
6.2	Mức độ đầy đủ thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử của Sở, ngành	1						
6.3	Chất lượng xử lý công việc trên môi trường mạng	1						
6.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1						
7	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2						
7.1	Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh (Nơi đón tiếp, thái độ phục vụ...)	1						
7.2	Chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh (Thời gian giải quyết, tuân thủ quy định về giải quyết TTHC...)	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng thẩm định	Điều tra khảo sát			
	TỔNG ĐIỂM	100						

XẾP LOẠI:

Trên 90 điểm: Rất tốt

Từ 80 đến 90 điểm: Tốt

Từ 65 đến dưới 80 điểm: Khá

Từ 50 đến dưới 65 điểm: Trung bình

Dưới 50 điểm: Kém

PHỤ LỤC 02



CHẾ ĐỘ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN
(Theo Quyết định số 73 /QĐ-UBND ngày 07 /02/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Lĩnh vực/Điều chỉ/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
I	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CẤP HUYỆN	80						
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	14						
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính năm	3						
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch CCHC (Trong tháng 01 của năm Kế hoạch)	1						Kế hoạch CCHC năm
	<i>Ban hành kịp thời: 1 điểm</i>							
	<i>Ban hành không kịp thời: 0 điểm</i>							
1.1.2	Chất lượng Kế hoạch CCHC (Xác định đầy đủ các nhiệm vụ cải cách hành chính trên các lĩnh vực theo Kế hoạch CCHC của UBND tỉnh và bố trí kinh phí triển khai, phân định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan đơn vị)	1						Kế hoạch CCHC năm
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ và có bố trí kinh phí: 1 điểm</i>							
	<i>Không xác định đầy đủ nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí: 0 điểm</i>							
1.1.3	Mức độ triển khai thực hiện kế hoạch CCHC	1						Các báo cáo CCHC định kỳ
	<i>Hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70%- dưới 85% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 0.25 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
	<i>Hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 0 điểm</i>							
1.2	Báo cáo cải cách hành chính	4						
1.2.1	Báo cáo định kỳ về CCHC đáp ứng yêu cầu về số lượng, đầy đủ về nội dung, đảm bảo về chất lượng và thời gian báo cáo	3						Các báo cáo CCHC định kỳ
	<i>Đạt yêu cầu (Mỗi báo cáo thiếu, chậm, không đảm bảo chất lượng trừ 0,25 điểm): 3 điểm</i>							
	<i>Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm</i>							
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả đánh giá CCHC	1						
	<i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1</i>							
	<i>Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5 điểm</i>							
	<i>Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: 0</i>							
1.3	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	3						
1.3.2	Tỷ lệ số cơ quan chuyên môn và đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra trong năm	1						Kế hoạch kiểm tra, Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra
	<i>Từ 70% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1 điểm</i>							
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0.5 điểm</i>							
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0 điểm</i>							
1.3.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1						Kế hoạch kiểm tra, Báo cáo kết quả kiểm tra, các thông báo kết luận kiểm tra
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% so với kế hoạch: 0 điểm</i>							
1.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua sau kiểm tra	1						
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2						
1.4.1	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền	1						Kế hoạch tuyên truyền (có Kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch CCHC năm)
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% so với kế hoạch: 0 điểm</i>							
1.4.2	Nội dung tuyên truyền, mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1						Báo cáo kết quả tuyên truyền (hoặc lồng ghép trong Báo cáo kết quả công tác CCHC năm)
	<i>Thực hiện tuyên truyền kịp thời và đầy đủ nội dung thông qua các kênh truyền thông: 0.5 điểm</i>							Thực hiện tuyên truyền CCHC thông qua cả 3 hình thức sau: hội nghị, trên Website của huyện; trên Đài truyền thanh cấp huyện
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5 điểm</i>							có thực hiện tuyên truyền CCHC thông qua 1 trong các hình thức sau: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm...
1.5	Những giải pháp, việc làm mới, cách làm hay trong chỉ đạo, điều hành CCHC	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chi số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai CCHC	1						Có giải pháp mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử trên địa bàn huyện, TP và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của huyện, thành phố
	<i>Có sáng kiến: 1 điểm</i>							
	<i>Không có sáng kiến: 0 điểm</i>							
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI ĐỊA PHƯƠNG	10						
2.1	Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.1.1	Mức độ thực hiện xây dựng VBQPPL, văn bản quản lý, điều hành hàng năm của huyện được phê duyệt	1						Đánh giá các VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành
	<i>100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1 điểm</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0.5 điểm</i>							
	<i>Dưới 80 % số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0 điểm</i>							
2.1.2	Thực hiện ban hành văn bản đúng quy trình thủ tục quy định	1						Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, kiểm tra, thẩm định của Sở Tư pháp
	<i>Thực hiện đúng: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện đúng: 0</i>							
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	3						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chi số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của huyện	1						Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, kiểm tra, thẩm định của Sở Tư pháp
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	1						Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, kiểm tra, thẩm định của Sở Tư pháp
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>							
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1						Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.3	Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	3						
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1						Báo cáo kết quả rà soát
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung và không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>							
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1						Kế hoạch rà soát, Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70 - dưới 80% so với kế hoạch: 0.25 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% so với kế hoạch: 0 điểm</i>							
2.3.3	Xử lý kết quả rà soát	1						Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua rà soát
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
2.4	Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL, văn bản quản lý điều hành do cấp trên và do địa phương ban hành	2						
2.4.1	Thực hiện báo cáo hằng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5						
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5 điểm</i>							
	<i>Báo cáo không đúng nội dung và không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>							
2.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	0,5						Kế hoạch kiểm tra, Báo cáo năm về công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.25 điểm</i>							
	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>							
2.4.3	Xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						Các thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	10						
3,1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính	6						
3.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch rà soát	2						Kế hoạch rà soát, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 1.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70- dưới 80% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>							
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1						Báo cáo kết quả rà soát; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,1</i>							
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
3.1.3	Cập nhật TTHC theo quy định	1						
	<i>Có cập nhật kịp thời: 1 điểm</i>							
	<i>Không cập nhật: 0 điểm</i>							
3.1.4	Thực hiện việc tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1						Báo cáo kết quả tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chi số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
3.1.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết <i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	1						
3.2	Công khai thủ tục hành chính	4						
3.2.1	Niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện <i>Có niêm yết công khai đầy đủ: 1 điểm</i> <i>Có niêm yết công khai nhưng không đầy đủ: 0.5 điểm</i> <i>Không niêm yết: 0 điểm</i>	1						
3.2.2	Tỷ lệ UBND cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả <i>100% số đơn vị thực hiện: 1,5 điểm</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị thực hiện: 1 điểm</i> <i>Từ 70% - dưới 80% số đơn vị thực hiện: 0.5 điểm</i> <i>Dưới 70% số đơn vị thực hiện: 0 điểm</i>	1,5						
3.2.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên website của UBND huyện, thành phố <i>Công khai đầy đủ, đúng quy định: 1,5 điểm</i> <i>Công khai chưa đầy đủ: 0 điểm</i>	1,5						
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	7						
4.1	Tuân thủ các quy định của tỉnh về tổ chức bộ máy <i>Thực hiện đầy đủ quy định: 2 điểm</i> <i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
4.2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
4.2.1	Tỷ lệ số cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra	1						Có kế hoạch kiểm tra (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong văn bản khác nhưng phải đảm bảo nội dung được đầy đủ, cụ thể); Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra.
	<i>Từ 50% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>							
	<i>Từ 30% - dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0.5</i>							
	<i>Dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0</i>							
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	3						
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành	1						
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>							
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>							
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp	1						
	<i>Có thực hiện: 1</i>							
	<i>Không thực hiện: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chi số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						Các văn bản xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>							
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>							
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>							
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>							
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	9						
5.1	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	1.5						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
5.1.1	UBND cấp huyện thực hiện đúng theo quy định về tuyển dụng công chức cấp xã và viên chức	0.5						
	<i>Thực hiện đúng: 0.5 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng: 0 điểm</i>							
5.1.2	UBND cấp huyện thực hiện bố trí công chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức	0.5						
	<i>Thực hiện đúng: 0.5 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng: 0 điểm</i>							
5.1.3	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có bố trí viên chức theo quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp	0.5						
	<i>Thực hiện đúng: 0.5 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng: 0 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
5.2	Mức độ thực hiện Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	1.5						Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của huyện
	<i>Hoàn thành trên 90% kế hoạch: 1,5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - 90% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 50% kế hoạch: 0 điểm</i>							
5.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương	2						- Quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu số lượng đối với chức danh bổ nhiệm đúng theo quy định của tỉnh. - Đánh giá căn cứ vào báo cáo của huyện, kết quả thanh tra, kiểm tra
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 2</i>							
	<i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0</i>							
5.4	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1						
	<i>Đúng quy định: 1</i>							
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
5.5	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm	1						Kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm của tỉnh; Báo cáo kết quả thực hiện
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
5.6	Cán bộ, công chức cấp xã	3						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã <i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 1 điểm</i> <i>Từ 80 - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.5 điểm</i> <i>Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>	1						
5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã <i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1 điểm</i> <i>Từ 80 - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.5 điểm</i> <i>Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>	1						
5.6.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm <i>Trên 50%: 1 điểm</i> <i>Từ 30% - dưới 50%: 0.5 điểm</i> <i>Dưới 30% Kế hoạch: 0 điểm</i>	1						
6	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4						
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính <i>Đúng quy định: 1 điểm</i> <i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>	1						Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	3						Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm <i>100% số đơn vị: 1</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên <i>Số đơn vị tăng so với năm trước: 1</i> <i>Số đơn vị không tăng so với năm trước: 0</i>	1						
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập (đã triển khai cơ chế tự chi, tự chịu trách nhiệm) thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm <i>100% số đơn vị: 1 điểm</i> <i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>	1						
7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	10						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan	4						
7.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 01 điểm</i> <i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i> <i>Hoàn thành từ 50% - dưới 80% kế hoạch: 0.25 điểm</i> <i>Hoàn thành dưới 50% so với kế hoạch: 0 điểm</i>	1						Kế hoạch ứng dụng CNTT của huyện
7.1.2	Xây dựng, triển khai kiến trúc chính quyền điện tử <i>Đã ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định: 1</i> <i>Đã ban hành nhưng không duy trì, cập nhật theo quy định: 0,5</i> <i>Chưa ban hành Kiến trúc: 0</i>	1						Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, thanh tra, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử <i>Từ 80% số văn bản trở lên: 0,5</i>	0,5						Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông (đánh giá văn bản đi).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
	Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,25							
	Dưới 60% số văn bản: 0							
7.1.4	Tỷ lệ công chức sử dụng thư điện tử thuộc hệ thống thư điện tử của UBND tỉnh trong trao đổi công việc	0,5						
	Đạt 100%: 0,5 điểm							
	Từ 80% - dưới 100%: 0,25 điểm							
	Dưới 80%: 0 điểm							
7.1.5	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản, Phần mềm dùng chung giải quyết TTHC (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	1						Báo cáo của huyện và kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông
	Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã: 1							
	Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện: 0,5							
	Chưa thực hiện kết nối liên thông: 0							
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3						
7.2.1	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 1, 2	1						
	100% số TTHC: 01 điểm							
	Dưới 100% số TTHC: 0 điểm							
7.2.2	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3	1						
	Từ 40% số TTHC trở lên: 1							
	Từ 30% - dưới 40% số TTHC: 0,5							
	Từ 20% - dưới 30% số TTHC: 0,25							
	Dưới 20% số TTHC: 0							
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1						
	Từ 20% số TTHC trở lên: 1							
	Từ 10% - dưới 30% số TTHC: 0,5							
	Dưới 10% số TTHC: 0							
7.2.4	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	1						
	Đúng quy định: 1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>							
7.3	Áp dụng ISO trong hoạt động của các phòng ban cấp huyện và UBND cấp xã	3						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
7.3.2	Các phòng, ban chuyên môn cấp huyện tuân thủ quy trình ISO trong hoạt động	1,5						
	<i>Tuân thủ quy trình ISO: 1.5 điểm</i>							
	<i>Không tuân thủ quy trình: 0 điểm</i>							
7.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã được cấp chứng chỉ ISO	1,5						
	<i>Trên 50% số xã, phường, thị trấn: 1,5 điểm</i>							
	<i>Từ 20 - 50% số xã phường, thị trấn: 0.5 điểm</i>							
	<i>Dưới 20% số xã, phường, thị trấn: 0 điểm</i>							
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	16						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
8.1	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3						
8.1.1	Số lượng các TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	1						
	<i>Đạt 80% trở lên số lượng TTHC: 1 điểm</i>							
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 80% số TTHC: 0.75 điểm</i>							
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 70% số TTHC: 0.5 điểm</i>							
	<i>Dưới 50% TTHC: 0 điểm</i>							
8.1.2	Số lượng TTHC thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo quy định	1						
	<i>Đạt 80% trở lên số lượng TTHC liên thông: 1 điểm</i>							
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 80% số TTHC liên thông: 0.75 điểm</i>							
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 70% số TTHC liên thông: 0.5 điểm</i>							
	<i>Dưới 70% TTHC liên thông: 0 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có trên 90% số TTHC thực hiện cơ chế một cửa <i>100% số đơn vị: 1 điểm</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5 điểm</i> <i>Dưới 80% số đơn vị: 0 điểm</i>	1						
8.2	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hoá của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2,5						
8.2.1	Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định <i>Đạt yêu cầu: 1 điểm</i> <i>Chưa đạt theo yêu cầu: 0.5 điểm</i>	1						
8.2.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã thực hiện mô hình một cửa hiện đại <i>100% số đơn vị: 1,5 điểm</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 1 điểm</i> <i>Dưới 80% số đơn vị: 0 điểm</i>	1,5						
8.3	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn trong tổng số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết <i>Đạt 100%: 2 điểm</i> <i>Từ 80% - dưới 100% : 1,5 điểm</i> <i>Từ 70% - dưới 80%: 1 điểm</i> <i>Dưới 70%: 0 điểm</i>	2						
8.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp hàng năm về tình hình giải quyết TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả <i>Có thực hiện khảo sát bằng hình thức phát phiếu và các hình thức khác: 0,5</i> <i>Chỉ thực hiện khảo sát bằng hình thức phát phiếu: 0,25</i> <i>Chưa thực hiện khảo sát: 0</i>	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
8.5	Công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
8.5.1	Bố trí công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1						
	<i>Có bố trí công chức chuyên trách: 1 điểm</i>							
	<i>Không bố trí công chức chuyên trách: 0 điểm</i>							
8.5.2	Trình độ công chức	1						
	<i>Có trình độ đại học trở lên: 1 điểm</i>							
	<i>Có trình độ dưới đại học: 0 điểm</i>							
8.6	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức bộ phận tiếp nhận theo quy định	1						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
8.7	Trang bị đồng phục đối với công chức Bộ phận TN và trả KQ	2						
	<i>Có thực hiện: 2 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
8.8	Thực hiện việc ghi chép, theo dõi, quản lý việc giải quyết TTHC theo các biểu mẫu quy định (Phiếu hướng dẫn hồ sơ, sổ theo dõi, giấy biên nhận, phiếu kiểm soát hồ sơ...)	2						
8.8.1	Thực hiện đúng mẫu quy định	1						
	<i>Thực hiện đúng: 1 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng: 0 điểm</i>							
8.8.2	Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời	1						
	<i>Thực hiện đúng: 1 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng: 0 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
8.9	Thực hiện quy định về ban hành văn bản thông báo tới cá nhân, tổ chức đến giải quyết TTHC trong trường hợp hồ sơ chưa đủ hoặc không đủ điều kiện giải quyết; quy định về ban hành văn bản xin lỗi cá nhân, tổ chức khi hồ sơ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quá hạn trả kết quả	1						
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>							
II	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	20						
1	Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp huyện	3						
1.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp huyện	0,5						
1.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp huyện	0,5						
1.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp huyện	1						
1.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp huyện	1						
2	Tác động đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính	2,5						
2.1	Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1						
2.2	Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC	0,5						
2.3	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC	0,5						
2.4	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
3	Tác động đến cải cách tổ chức bộ máy hành chính	2						
3.1	Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của UBND huyện	0,5						
3.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1						
3.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện	0,5						
4	Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính	2,5						
4.1	Đánh giá về năng lực chuyên môn của công chức giải quyết	0,5						
4.2	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức giải quyết TTHC	1						
4.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	0,5						
4.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	0,5						
5	Tác động đến chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	3						
5.1	Đánh giá về chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập	1,5						
5.2	Đánh giá về chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công lập	1,5						
6	Tác động đến quản lý tài chính công	2						
6.1	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1						
6.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	0,5						
6.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	0,5						
7	Tác động đến hiện đại hóa hành chính	3						
7.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của huyện	0,5						
7.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của huyện	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra khảo sát			
7.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của huyện	1						
7.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1						
8	Tác động đến sự hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ công	2						
8.1	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ công	2						
	<i>Đạt từ 80% trở lên: 2</i>							
	<i>Đạt từ 60% - dưới 80%: 1,5</i>							
	<i>Đạt dưới 60%: 0</i>							
	TỔNG ĐIỂM CHỈ SỐ CCHC (=I+II)	100						

XẾP LOẠI:

Trên 90 điểm: Rất tốt

Từ 80 đến 90 điểm: Tốt

Từ 65 đến dưới 80 điểm: Khá

Từ 50 đến dưới 65 điểm: Trung bình

Dưới 50 điểm: Kém



CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP XÃ
(Kế hoạch Quyết định số 73 /QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Lĩnh vực / Tiêu chí / Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
I	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CẤP XÃ	80						
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	15						
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính năm	4						
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch CCHC (Trong tháng 02 của năm Kế hoạch) <i>Ban hành kịp thời: 2 điểm</i> <i>Ban hành không kịp thời: 0 điểm</i>	2						Kế hoạch CCHC năm
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ cải cách hành chính trên các lĩnh vực theo Kế hoạch CCHC của UBND huyện và bố trí kinh phí triển khai <i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ và có bố trí kinh phí: 01 điểm</i> <i>Không xác định đầy đủ nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí: 0 điểm</i>	1						Kế hoạch CCHC năm
1.1.3	Mức độ triển khai thực hiện kế hoạch CCHC <i>Hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 1 điểm</i> <i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 0.5 điểm</i> <i>Hoàn thành từ 80%- dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 0.25 điểm</i> <i>Hoàn thành dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 0 điểm</i>	1						Các báo cáo CCHC định kỳ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
1.2	Báo cáo cải cách hành chính	7						
1.2.1	Số lượng báo cáo đúng quy định <i>Đủ số lượng báo cáo: 2 điểm</i> <i>Không đủ số lượng báo cáo: 0 điểm</i>	2						Các báo cáo CCHC định kỳ
1.2.2	Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo hướng dẫn <i>Đạt yêu cầu: 2 điểm</i> <i>Không đạt yêu cầu: 0 điểm</i>	2						
1.2.3	Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định <i>Đúng thời gian theo quy định: 2 điểm (Mỗi báo cáo chậm trừ 0,25 điểm)</i> <i>Không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>	2						
1.2.4	Báo cáo tự chấm điểm kết quả đánh giá CCHC <i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1 điểm</i> <i>Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5 điểm</i> <i>Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: 0</i>	1						
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	2						
1.3.1	Thực hiện việc tuyên truyền (có Kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch CCHC năm) <i>Có thực hiện: 1 điểm</i> <i>Không thực hiện: 0 điểm</i>	1						Kế hoạch tuyên truyền
1.3.2	Nội dung tuyên truyền, mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC <i>Thực hiện tuyên truyền kịp thời và đầy đủ nội dung thông qua các kênh truyền thống: 0.5 điểm</i>	1						Báo cáo kết quả tuyên truyền (hoặc lồng ghép trong Báo cáo kết quả công tác CCHC năm) Thực hiện tuyên truyền CCHC thông qua cả 2 hình thức sau: hội nghị; trên hệ thống phát thanh cấp

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5 điểm</i>							Ngoài các hình thức truyền thống, có thực hiện tuyên truyền CCHC thông qua I trong các hình thức sau: Tô chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm...
	<i>Không kịp thời hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định: 0 điểm</i>							
1,4	Những giải pháp, việc làm mới, cách làm hay trong chỉ đạo, điều hành CCHC	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
1.4.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1						
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
1.4.2	Sáng kiến trong triển khai CCHC	1						Có giải pháp mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử tại đơn vị có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của địa phương
	<i>Có sáng kiến: 1 điểm</i>							
	<i>Không có sáng kiến: 0 điểm</i>							
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI ĐỊA PHƯƠNG	10						
2.1	Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL, văn bản quản lý, điều hành của địa phương	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch xây dựng VBQPPL, văn bản quản lý, điều hành hàng năm của xã đã được phê duyệt	1						Đánh giá các VBQPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành
	<i>100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0,5 điểm</i> <i>Dưới 80 % số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0 điểm</i>							
2.1.2	Thực hiện ban hành văn bản đúng quy trình thủ tục quy định <i>Thực hiện đúng: 1 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng: 0</i>	1					Báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra, thẩm định của Phòng Tư pháp	
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	3						
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của xã <i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i> <i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm</i> <i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25 điểm</i> <i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>	1					Báo cáo của xã và kết quả theo dõi, kiểm tra, thẩm định của Phòng Tư pháp	
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật <i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1 điểm</i> <i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>	1					Báo cáo của UBND cấp xã và kết quả theo dõi, kiểm tra, thẩm định của Phòng Tư pháp	
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật <i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i> <i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm</i>	1					Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>							
2.3	Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	3						
2.3.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1					Kế hoạch rà soát	
	<i>Có ban hành: 1 điểm</i>							
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>							
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1					Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của xã và kết quả theo dõi, kiểm tra, thẩm định của Phòng Tư pháp	
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70 - dưới 80% so với kế hoạch: 0.25 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% so với kế hoạch: 0 điểm</i>							
2.3.3	Xử lý kết quả rà soát	1					Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua rà soát	
	<i>Có xử lý: 1 điểm</i>							
	<i>Không xử lý: 0 điểm</i>							
2.4	Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL, văn bản quản lý điều hành do cấp trên và do địa phương ban hành	2						
2.4.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL, văn bản quản lý điều hành do cấp trên và do địa phương ban hành	0,5						
	<i>Có kế hoạch kiểm tra: 0.5 điểm</i>							
	<i>Không có kế hoạch kiểm tra: 0 điểm</i>							
2.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	0,5					Báo cáo năm về công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.25 điểm</i>							
	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0 điểm</i>							
2.4.3	Xử lý những vấn đề phát hiện	1					Các thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản xử lý những vấn đề	
	<i>Có xử lý: 1 điểm</i>							
	<i>Không xử lý: 0 điểm</i>							
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	9						
3.1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính	7						
3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, rà soát quy định, thủ tục hành chính theo quy định	1					Kế hoạch rà soát	
	<i>Có ban hành: 01 điểm</i>							
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>							
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	2					Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 1,5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70- dưới 80% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>							
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1					Báo cáo kết quả rà soát; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện	
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 01 điểm</i>							
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>							
3.1.4	Cập nhật TTHC theo quy định	1						
	<i>Có cập nhật kịp thời: 1 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Không cập nhật: 0 điểm</i>							
3.1.5	Thực hiện việc tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết <i>Thực hiện đầy đủ quy định: 1 điểm</i> <i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm</i>	1						Báo cáo kết quả tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị
3.1.6	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết <i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i> <i>Dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>	1						
3.2	Niên yết công khai các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả <i>Có niêm yết công khai đầy đủ: 2 điểm</i> <i>Có niêm yết công khai nhưng không đầy đủ: 1 điểm</i> <i>Không niêm yết: 0 điểm</i>	2						
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	6						
4.1	Tuân thủ các quy định của tỉnh về tổ chức bộ máy <i>Thực hiện đầy đủ quy định: 2 điểm</i> <i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
4.2	Quy chế làm việc của UBND xã	4						
4.2.1	Ban hành quy chế làm việc của cơ quan theo quy định của UBND tỉnh <i>Có ban hành theo quy định: 2 điểm</i> <i>Không ban hành: 0 điểm</i>	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
4.2.2	Việc thực hiện quy chế làm việc	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
	<i>Thực hiện tốt quy chế làm việc: 2 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không tốt quy chế làm việc: 0 điểm</i>							
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	9						
5.1	Báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
5.1.1	Báo cáo đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	1						
	<i>Đạt yêu cầu: 01 điểm</i>							
	<i>Không đạt yêu cầu: 0 điểm</i>							
5.1.2	Báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	1						
	<i>Đúng thời gian theo quy định: 01 điểm</i>							
	<i>Không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>							
5.2	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	2						
5.2.1	Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm của cơ quan hoặc lồng ghép	1						Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng
	<i>Có kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Không có kế hoạch: 0 điểm</i>							
5.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	1						Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của xã
	<i>Hoàn thành trên 90% kế hoạch: 1 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 70% - 90% kế hoạch: 0.75 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Hoàn thành từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5 điểm</i> <i>Hoàn thành dưới 50% kế hoạch: 0 điểm</i>							
5,3	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức	2						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
	<i>Đúng quy định: 2 điểm</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>							
5,4	Cán bộ, công chức cấp xã	3						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
5.4.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	1						
	<i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 1 điểm</i> <i>Từ 80 - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.5 điểm</i> <i>Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>							
5.4.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	1						
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1 điểm</i> <i>Từ 80 - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.5 điểm</i> <i>Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>							
5.4.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1						
	<i>Trên 50%: 1 điểm</i> <i>Từ 30% - dưới 50%: 0.5 điểm</i> <i>Dưới 30% Kế hoạch: 0 điểm</i>							
6	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	5						
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	2						Báo cáo của xã và kết quả theo dõi, thanh tra, kiểm tra của Phòng Tài chính Kế hoạch
	<i>Đúng quy định: 2 điểm</i> <i>Không đúng quy định: 0 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
6,2	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	2						
	<i>Có thực hiện: 2 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
6,3	Thực hiện các giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống của cán bộ, công chức	1						
	<i>Có thực hiện: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	7						
7,1	Ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan	5						
7.1.1	Có Kế hoạch ứng dụng CNTT (<i>ban hành riêng hoặc lồng ghép vào văn bản khác</i>)	1						Kế hoạch ứng dụng CNTT của huyện và báo cáo kết quả thực hiện
	<i>Có ban hành: 01 điểm</i>							
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>							
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT	1						
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 01 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 90% kế hoạch: 0.25 điểm</i>							
	<i>Hoàn thành dưới 80% so với kế hoạch: 0 điểm</i>							
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1						Báo cáo của xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng văn hóa Thông tin (<i>đánh giá văn bản đi</i>).
	<i>Từ 80% số văn bản trở lên: 1 điểm</i>							
	<i>Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5 điểm</i>							
	<i>Dưới 50% số văn bản: 0 điểm</i>							
7.1.4	Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử thuộc hệ thống thư điện tử của UBND tỉnh trong trao đổi công việc	1						
	<i>Đạt 100%: 1 điểm</i>							
	<i>Từ 80%-dưới 100%: 0,5 điểm</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Dưới 80%: 0 điểm</i>							
7.1.5	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản, giải quyết TTHC (từ cấp tỉnh đến cấp xã) <i>Đã kết nối liên thông từ cấp huyện đến cấp xã: 1</i> <i>Chưa thực hiện kết nối liên thông: 0</i>	1					Báo cáo của xã và kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ	
7.2	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1						
7.3	Áp dụng ISO trong hoạt động của UBND cấp xã	1					Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan	
7.3.1	UBND cấp xã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 <i>Đã công bố: 0,5 điểm</i> <i>Chưa công bố: 0 điểm</i>	0,5						
7.3.2	UBND cấp xã thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động <i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm</i> <i>Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>	0,5						
8	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	19					Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan	
8.1	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	2						
8.1.1	Số lượng các TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa <i>Đạt 90% trở lên số lượng TTHC: 1 điểm</i> <i>Đạt từ 80% đến dưới 90% số TTHC: 0.75 điểm</i> <i>Đạt từ 70% đến dưới 80% số TTHC: 0.5 điểm</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Dưới 70% TTHC: 0 điểm</i>							
8.1.2	Số lượng TTHC thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo quy định	1						
	<i>Đạt 80% trở lên số lượng TTHC liên thông: 1 điểm</i>							
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 80% số TTHC liên thông: 0.75 điểm</i>							
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 70% số TTHC liên thông: 0.5 điểm</i>							
	<i>Dưới 70% TTHC liên thông: 0 điểm</i>							
8.2	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hoá của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	5						
8.2.1	Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	2						
	<i>Đạt yêu cầu: 2 điểm</i>							
	<i>Chưa đạt theo yêu cầu: 1 điểm</i>							
8.2.2	Thực hiện mô hình một cửa hiện đại	2						
	<i>Có thực hiện và đạt yêu cầu: 2 điểm</i>							
	<i>Có thực hiện, không đạt yêu cầu: 1 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
8.2.3	Nhập hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử	1						
	<i>Nhập hồ sơ thường xuyên, đầy đủ: 01 điểm</i>							
	<i>Không nhập hồ sơ thường xuyên, đầy đủ: 0 điểm</i>							
8.3	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn trong tổng số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết	3						
	<i>Đạt 100%: 3 điểm</i>							
	<i>Từ 90% - dưới 100% : 2 điểm</i>							
	<i>Từ 80% - dưới 90%: 1 điểm</i>							
	<i>Dưới 80%: 0 điểm</i>							
8.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp hàng năm về tình hình giải quyết TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Có thực hiện khảo sát bằng hình thức phát phiếu và các hình thức khác: 0.5 điểm</i>							
	<i>Chỉ thực hiện khảo sát bằng hình thức phát phiếu: 0,25</i>							
	<i>Chưa thực hiện khảo sát: 0 điểm</i>							
8.5	Công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
8.5.1	Bố trí công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2						
	<i>Có bố trí công chức chuyên trách: 2 điểm</i>							
	<i>Không bố trí công chức chuyên trách: 0 điểm</i>							
8.5.2	Trình độ công chức	1						
	<i>Có trình độ cao đẳng trở lên: 1 điểm</i>							
	<i>Có trình độ dưới cao đẳng: 0 điểm</i>							
8.6	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	1						Đơn vị báo cáo; kết hợp với theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1 điểm</i>							
	<i>Có thực hiện nhưng chưa đúng quy định: 0,5 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
8.7	Trang bị đồng phục đối với công chức Bộ phận TN và trả KQ	0,5						
	<i>Có thực hiện: 0.5 điểm</i>							
	<i>Không thực hiện: 0 điểm</i>							
8.8	Thực hiện việc ghi chép, theo dõi, quản lý việc giải quyết TTHC theo các biểu mẫu quy định (Phiếu hướng dẫn hồ sơ, sổ theo dõi, giấy biên nhận, phiếu kiểm soát hồ sơ...)	2						
8.8.1	Thực hiện đúng mẫu quy định	1						
	<i>Thực hiện đúng: 01 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng: 0 điểm</i>							
8.8.2	Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
	<i>Thực hiện đúng: 01 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng: 0 điểm</i>							
8.9	Thực hiện quy định về ban hành văn bản thông báo tới cá nhân, tổ chức đến giải quyết TTHC trong trường hợp hồ sơ chưa đủ hoặc không đủ điều kiện giải quyết; quy định về ban hành văn bản xin lỗi cá nhân, tổ chức khi hồ sơ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quá hạn trả kết quả	2						
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2 điểm</i>							
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>							
II	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH HÀNH CHÍNH	20						Thực hiện điều tra, khảo sát
1	Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp xã	4						
1.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp xã	1						
1.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp xã	1						
1.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp xã	1						
1.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cấp xã	1						
2	Tác động đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính	8						
2.1	Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2						
2.2	Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			
2.3	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC	2						
2.4	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC	2						
3	Tác động đến cải cách tổ chức bộ máy hành chính	2						
3.1	Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của UBND xã	1						
3.2	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước cấp xã	1						
4	Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính	4						
4.1	Đánh giá về năng lực chuyên môn của công chức giải quyết TTHC	1						
4.2	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức giải quyết TTHC	1						
4.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1						
4.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1						
5	Tác động đến quản lý tài chính công	2						
5.1	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1						
5.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1						
TỔNG ĐIỂM CHỈ SỐ CCHC (=I+II)		100						

XẾP LOẠI:

Trên 90 điểm: Rất tốt

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Tài liệu kiểm chứng/ghi chú
			Điều tra XHH	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá			

Từ 80 đến 90 điểm: Tốt

Từ 65 đến dưới 80 điểm: Khá

Từ 50 đến dưới 65 điểm: Trung bình

Dưới 50 điểm: Kém